

# Kinh nghiệm quốc tế về giáo dục giá trị cho học sinh trong nhà trường phổ thông

Lê Thị Quỳnh Nga

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam  
Email: quynhnga2981@gmail.com

**TÓM TẮT:** Thế kỉ XXI diễn ra khủng hoảng giá trị trên toàn cầu và ở từng quốc gia. UNESCO khuyến cáo rằng, các quốc gia, các nhà khoa học cần chú ý vào việc giáo dục giá trị cho thế hệ trẻ. Thực tiễn phát triển giáo dục đã cho thấy chỉ thông qua con đường giáo dục giá trị mới có cơ sở bền vững cho vấn đề khủng hoảng phát triển nhân cách học sinh. Bài viết phân tích kinh nghiệm giáo dục giá trị cho học sinh trong nhà trường phổ thông của các nước Mỹ, Australia và Nhật Bản qua ba nội dung chính: Mục tiêu giáo dục giá trị, nội dung giáo dục giá trị và phương pháp giáo dục giá trị, từ đó rút ra kết luận để các nhà giáo dục Việt Nam có thể tham khảo.

**TỪ KHÓA:** Giá trị; giáo dục giá trị; giáo dục phổ thông; học sinh phổ thông.

→ Nhận bài 22/5/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 03/6/2019 → Duyệt đăng 25/7/2019.

## 1. Đặt vấn đề

Giá trị (GT) có ý nghĩa to lớn đối với lối sống và hành vi của mỗi người, giúp con người xác định mục tiêu và phương hướng hoạt động cho mình. Vì GT là nhân lõi, là nền tảng của nhân cách nên giáo dục giá trị (GDGT) cho học sinh (HS) là một nhiệm vụ quan trọng để đảm bảo cho nhân cách của HS phát triển đúng hướng và bền vững. Trên thế giới, GDGT đã được chú trọng từ lâu và đã có nhiều quốc gia thành công với chương trình GDGT trong nhà trường. Việc tìm hiểu kinh nghiệm của các quốc gia đó sẽ giúp chúng ta có được những bài học ý nghĩa trong việc xây dựng và phát triển chương trình GDGT, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Giáo dục giá trị cho học sinh trong nhà trường phổ thông ở Hoa Kỳ

Hoa Kỳ là cường quốc trên thế giới về nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục (GD). Đặc biệt, Hoa Kỳ được xem là nơi khai sinh ra GDGT với một sự kiện lớn ở Hoa Kỳ - đó là năm 1776, khi Hoa Kỳ giành được độc lập, trong bản Tuyên ngôn độc lập (*The Declaration of Independence, July 4, 1776*) Hoa Kỳ đã đặt ra trách nhiệm của nhà trường là GD cho thế hệ tương lai các phẩm chất đạo đức, truyền đạt cho họ các GT [1]. Năm 1925, Trường Đại học Colombo đã thực hiện một công trình nghiên cứu về các chương trình GDGT ở Hoa Kỳ (lúc này được gọi là GD tính cách - *Character Education*) [2]. Công trình này đã chỉ ra rằng, các chương trình GD tính cách chính thức trong nhà trường ở Hoa Kỳ không mang lại hiệu quả. Đây là công trình tạo tiền đề quan trọng cho quá trình nghiên cứu GDGT trong các nhà trường phổ thông ở Hoa Kỳ về sau. Hiện nay, GDGT cho HS trong nhà trường phổ thông ở Hoa Kỳ đã phát triển mạnh mẽ và là mô hình cho nhiều quốc gia học tập.

### 2.1.1. Mục tiêu giáo dục giá trị

Năm 2002, Hoa Kỳ có 14 tiểu bang có Luật GD bắt buộc đưa GDGT vào nhà trường phổ thông, 14 tiểu bang khuyến khích GDGT thông qua luật pháp, 10 tiểu bang hỗ trợ GDGT nhưng không đưa vào luật pháp hiện hành và 11 tiểu bang nhận được tài trợ của liên bang để phát triển GDGT trong các chương trình trong trường học của họ [3]. Mặc dù ở mỗi bang, chương trình GDGT có những tính chất đặc thù để phù hợp với điều kiện, đặc điểm riêng của bang đó, song về cơ bản, các chương trình này vẫn hướng tới mục tiêu chung là GD HS trở thành những công dân có trách nhiệm, hiểu biết và có thể tham gia hiệu quả vào đời sống chính trị, xã hội của đất nước [3, tr. 146].

### 2.1.2. Nội dung giáo dục giá trị

Mỗi bang ở Hoa Kỳ có những lựa chọn nội dung GDGT riêng, có 6 GT cốt lõi sau [4; tr.170-172]:

- **Tin cậy** (Trustworthiness): Trung thực; Không lừa dối, lừa gạt hay trộm cắp; Có thể tin cậy được - làm những gì đã nói; Có lòng dũng cảm để làm điều đúng đắn; Xây dựng danh tiếng tốt; Chung thủy - luôn sát cánh bên gia đình, bạn bè và tổ quốc;

- **Tôn trọng** (Respect): Đối xử với người khác với lòng tôn trọng; Khoan dung với sự khác biệt; Cư xử và nói năng đúng mực; Quan tâm tới cảm xúc của người khác; Không đe dọa, đánh đập hay làm đau người khác; Xử lí bất hòa một cách hòa bình;

- **Trách nhiệm** (Responsibility): Làm những gì mình cần làm; Kiên trì, luôn cố gắng; Luôn hoàn thành công việc một cách tốt nhất có thể; Làm chủ bản thân; Ki luật tự giác; Suy nghĩ trước khi hành động - xem xét các hệ quả; Chịu trách nhiệm về lựa chọn của mình;

- **Công bằng** (Fairness): Chơi đúng luật; Luân phiên và chia sẻ; Cởi mở, lắng nghe người khác; Không lợi dụng người khác; Không chỉ trích người khác một cách thiếu suy nghĩ;

- **Quan tâm** (Caring): Thể hiện lòng tốt; Có lòng trắc ẩn và thể hiện sự quan tâm; Thể hiện sự biết ơn; Tha thứ; Giúp đỡ những người khó khăn;

- **Bổn phận công dân** (Citizenship): Đóng góp phần mình để làm nhà trường và cộng đồng tốt đẹp hơn; Hợp tác; Tham gia vào các hoạt động cộng đồng; Tiếp cận thông tin; Bỏ phiếu bầu cử; Làm người hàng xóm tốt; Chấp hành quy định và luật lệ; Tôn trọng nhà cầm quyền; Bảo vệ môi trường.

### 2.1.3. Phương pháp giáo dục giá trị

Cách tiếp cận toàn diện được nhấn mạnh trong tất cả các chương trình GDGT trong nhà trường Hoa Kỳ. Theo đó, các nội dung liên quan đến GDGT đều gắn liền và có sự tham gia của tất cả lực lượng GD trong nhà trường: Cán bộ quản lí (CBQL); giáo viên (GV); HS, phụ huynh. Cách tiếp cận toàn diện còn được thể hiện ở việc GDGT không chỉ được thực hiện thông qua các giờ học trên lớp, mà còn được tiến hành mọi lúc, mọi nơi, trong bất kì không gian nào: Lớp học, sân chơi, trên xe bus, hành lang, thư viện, căng tin nhà trường, sân tập thể thao, ... Ngôn ngữ, hành vi, cách ứng xử của CBQL, GV, HS, phụ huynh tại các bối cảnh, không gian... đều là cơ hội để GDGT cho HS. Nói tóm lại, có thể nói ở Hoa Kỳ, GDGT thường được thực hiện thông qua 6 cách thức, phương pháp sau [3; tr.143-144]:

- **Nêu gương**: Đây là một trong những cách thức hiển nhiên để GDGT. Điều này không có nghĩa là GV cần phải trở nên thần thánh, song họ cần nghiêm túc nhìn nhận đời sống đạo đức của bản thân mình thông qua việc hành xử đúng đắn. HS thường có xu hướng bắt chước, làm theo GV - những người mà các em tin cậy.

- **Giải thích**: GDGT cần được tiến hành thông qua sự giảng giải. Điều này không chỉ đơn thuần là rao giảng cho HS những quy tắc, luật lệ mà còn lôi kéo các em tham gia vào những cuộc trò chuyện, thảo luận về đạo đức. Những cuộc đối thoại này giúp cho mọi người hiểu biết sâu hơn về các GT đạo đức, cách thức ứng xử phù hợp trong các vấn đề khác nhau của đời sống, xã hội.

- **Cổ vũ, khích lệ**: Một đứa trẻ bị nản chí vì thất bại trong kết quả học tập, trong thể thao hay nghệ thuật sẽ cần điều gì đó mạnh hơn là vài lí do để xua đuổi sự chán chường. Điều này cũng xảy ra với các em phải đến trường một cách ép buộc, chán học và không được tuyển vào các trường đại học mà các em lựa chọn. Sự cổ vũ chân thành là rất cần thiết. Sự cổ vũ, khích lệ nên được dùng một cách hợp lí và không nên rao giảng suông. Cổ vũ, khích lệ cần hướng tới lợi ích tốt nhất của HS và thôi thúc các em tìm được hướng đi phù hợp.

- **Bảo đảm môi trường đạo đức**: Lớp học là một xã hội thu nhỏ với những khuôn mẫu, lễ nghi, quan hệ quyền lực và tiêu chuẩn cho cả việc học tập lẫn hành vi của HS. Bầu không khí đạo đức sẽ ảnh hưởng đến môi trường học tập. Trong lớp học đó, GV có tôn trọng HS không? HS có tôn trọng nhau không? Các quy định của lớp học có công bằng không và có được thực thi đúng đắn không? GV có thiên vị

không? Những vấn đề liên quan đến đạo đức và lễ phải có trở thành một phần của lớp học không? Hầu hết mọi người tin rằng môi trường đạo đức của lớp học sẽ có tác dụng thúc đẩy sự ảnh hưởng mạnh mẽ và ổn định lên việc hình thành tính cách và nhận thức của HS về những gì đúng và sai.

- **Trải nghiệm**: Thế hệ trẻ ngày nay sống trong những gia đình nhỏ hơn và kém ổn định hơn thế hệ trước. Việc sống trong những ngôi nhà hiện đại cũng làm cho các em ít có cơ hội hơn để làm việc nhà. Điều này dẫn đến việc HS sống vị kỉ và không có ý thức đóng góp cho người khác. Các em sẽ không được rèn luyện kĩ năng cũng như kỉ luật liên quan đến công việc nên sẽ gặp khó khăn trong việc xây dựng những quan niệm vững chắc về GT, đạo đức.

Nhiều trường học khắc phục tình trạng này bằng cách tạo cho HS các cơ hội phục vụ người khác ở cả trong và ngoài nhà trường. Ví dụ, HS giúp nhau học, HS lớn giúp các em nhỏ hơn các kĩ năng học tập và thể thao; HS giúp GV, nhân viên thư viện làm các công việc thường nhật khác.

Các chương trình ngoài nhà trường cho phép HS cơ hội được phục vụ những người khó khăn như người mù, các bà mẹ có con tật nguyền, chậm phát triển. Một số HS tình nguyện tham gia các tổ chức khác như nhà dưỡng lão, trại trẻ mồ côi... Cán bộ nhà trường đóng vai trò giải quyết các vướng mắc, khó khăn gặp phải giữa HS và các cá nhân, tổ chức cần giúp đỡ. Các chương trình phục vụ như vậy dạy cho HS những kĩ năng trợ giúp nhân đạo rất có GT. Thông qua những hoạt động này, các khái niệm trừu tượng như công bằng, cộng đồng trở nên thực tế hơn khi HS được tận mắt chứng kiến những cuộc đời, số phận mà họ tiếp xúc. HS bắt đầu nhận biết sự cần thiết phải kết hợp các GT đạo đức với hành động đạo đức.

- **Kì vọng vào sự hoàn thiện**: Trẻ em cần có những chuẩn mực và kĩ năng để đạt tới chúng. Các em cần nhìn nhận bản thân mình với tư cách là những HS trong quá trình phấn đấu liên tục để đạt tới sự hoàn thiện.

Các tiêu chí về chất lượng, sự ưu tú trong các hoạt động và hành vi trong nhà trường sẽ khuyến khích HS phát triển những phẩm chất như kiên trì, quyết tâm và những đức tính có ảnh hưởng tới mọi mặt của đời sống sau này khi các em trưởng thành. Kiến thức sách vở thay đổi rất nhanh chóng, những điều ta thảo luận hôm nay có thể đã lạc hậu vào ngày mai. Nhưng các GT, các ảnh hưởng về mặt đạo đức và những nét tính cách đáng ghi nhớ mà chúng ta làm hình mẫu sẽ còn tồn tại lâu dài. Chúng ta có thể để lại cho HS một di sản sẽ không thay đổi trong suốt cuộc đời: Nhận biết điều tốt, yêu quý điều tốt và làm điều tốt.

## 2.2. Giáo dục giá trị cho học sinh trong nhà trường phổ thông ở Úc

Úc là quốc gia nổi tiếng với hệ thống GD đạt tiêu chuẩn quốc tế, các trường học danh tiếng và môi trường học tập chất lượng cao. GDGT là vấn đề được Chính phủ Úc quan tâm từ lâu và hiện nay họ đã xây dựng thành công Khung quốc gia về GDGT trong nhà trường (*National Framework for Values Education in Australian Schools*) [5].

### 2.2.1. Mục tiêu giáo dục giá trị

- Giúp HS hiểu và có khả năng áp dụng các GT cốt lõi vào cuộc sống;
- Khuyến khích cách sống dân chủ của Úc cũng như các GT khác biệt trong các trường học ở Úc;
- Áp dụng một cách kiên định các GT của cộng đồng nhà trường trong thực tiễn;
- Tương tác với HS, GV, gia đình và cộng đồng trường học như một phần trong cách tiếp cận toàn diện đối với GD HS, nhằm hình thành và phát triển ở HS tính trách nhiệm và kiên cường;
- Xây dựng môi trường an toàn và khuyến khích HS khám phá những GT riêng của họ, của nhà trường và cộng đồng nơi họ sinh sống;
- Hình thành và phát triển ở GV những năng lực sử dụng các mô hình, chiến lược GD một cách linh hoạt;
- Xây dựng chương trình GD đáp ứng yêu cầu của cả xã hội cũng như của từng cá nhân HS;
- Đánh giá theo định kì chương trình GD, cách tiếp cận trong GD xem có phù hợp không, có hiệu quả không, có đáp ứng mục tiêu đã đề ra không.

### 2.2.2. Nội dung giáo dục giá trị

Khung quốc gia về GDGT trong nhà trường (*National Framework for Values Education in Australian Schools*) đã nêu rõ 9 nội dung GDGT cần hình thành cho HS, bao gồm [5]:

- **Sự quan tâm và lòng trắc ẩn** (*Care and Compassion*): Quan tâm đến bản thân và quan tâm đến người khác (*Care for self and others*);
- **Làm hết sức mình** (*Doing Your Best*): Tìm cách thực hiện những việc tốt, cố gắng vượt qua những khó khăn, thử thách để đạt tới thành công (*Seek to accomplish something worthy and admirable, try hard, pursue excellence*);
- **Công bằng** (*Fair Go*): Theo đuổi và bảo vệ cái tốt, xây dựng một xã hội mà tất cả mọi người được đối xử công bằng, không thiên vị (*Pursue and protect the common good where all people are treated fairly for a just society*);
- **Tự do** (*Freedom*): Được hưởng các quyền lợi và đặc ân của người công dân Úc, không bị ràng buộc hay điều khiển bởi người khác, đồng thời tôn trọng quyền tự do của người khác (*Enjoy all the rights and privileges of Australian citizenship free from unnecessary interference or control, and stand up for the rights of others*);
- **Trung thực và đáng tin cậy** (*Honesty and Trustworthiness*): Trở thành người trung thực, ngay thẳng và tôn trọng sự thật (*Be honest, sincere and seek the truth*);
- **Liên chính** (*Integrity*): Hành động theo chuẩn mực đạo đức và luân lí, nhất quán giữa lời nói và hành động (*Act in accordance with principles of moral and ethical conduct, ensure consistency between words and deeds*);
- **Tôn trọng** (*Respect*): Đối xử với người khác một cách tôn trọng, ngay cả với những người không cùng quan điểm (*Treat others with consideration and regard, respect another person's point of view*);

- **Trách nhiệm** (*Responsibility*): Chịu trách nhiệm về hành động của chính mình, giải quyết những khác biệt với tinh thần xây dựng, phi bạo lực và hòa bình, đóng góp cho xã hội và đời sống dân sự, chăm sóc môi trường (*Be accountable for one's own actions, resolve differences in constructive, non-violent and peaceful ways, contribute to society and to civic life, take care of the environment*);

- **Hiểu biết, khoan dung và chấp nhận** (*Understanding, Tolerance and Inclusion*): Nhận thức về người khác và nền văn hóa của họ, chấp nhận sự đa dạng trong một xã hội dân chủ (*Be aware of others and their cultures, accept diversity within a democratic society, being included and including others*).

### 2.2.3. Phương pháp giáo dục giá trị

Do ở Úc đã xây dựng một chương trình GDGT trong nhà trường phổ thông hoàn chỉnh nên về phương pháp GDGT ở quốc gia này cũng có những chỉ dẫn hết sức cụ thể, bao gồm:

- Thiết lập và nhất quán sử dụng ngôn ngữ chung và GT chung trong toàn trường;
- Sử dụng các phương pháp sư phạm tập trung vào các GT và được hình thành trong tất cả các chương trình giảng dạy;
- Phát triển GDGT như là một khái niệm chương trình học tích hợp chứ không phải là một chương trình, sự kiện bổ sung cho chương trình giảng dạy;
- Dạy các GT một cách rõ ràng để HS biết ý nghĩa của GT và cách các GT được hình thành và phát triển;
- Mô hình hóa các GT ngầm định và thúc đẩy mô hình hóa các GT một cách rõ ràng;
- Phát triển các phương pháp tiếp cận GT có liên quan và phù hợp với bối cảnh địa phương và toàn cầu và tạo cơ hội thực sự cho HS được trải nghiệm;
- Sử dụng GDGT để bồi dưỡng sự hiểu biết đa văn hóa, gắn kết xã hội và hòa nhập xã hội;
- Bồi dưỡng GV năng lực học tập chuyên nghiệp, suốt đời đáp ứng mục tiêu và thúc đẩy sự hợp tác chuyên nghiệp của họ, khuyến khích GV chấp nhận rủi ro trong cách tiếp cận của họ với GDGT;
- Thu thập và theo dõi dữ liệu để cải thiện liên tục về GDGT.

### 2.3. Giáo dục giá trị cho học sinh trong nhà trường phổ thông ở Nhật Bản

Nhật Bản là một nước công nghiệp lớn và gây được sự chú ý lớn trên toàn cầu về ý thức trách nhiệm ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người dân nơi đây và biểu hiện thành những phép tắc rất rõ ràng trong xã giao như cách ăn mặc, hành vi nơi công cộng. Để làm được điều này, Chính phủ Nhật Bản đã có sự định hướng, chỉ đạo và quản lí chặt chẽ việc GD cho HS tất cả những GT mà một người cần nắm vững và tất cả những hành vi có thể tác động đến người khác. GDGT ở Nhật Bản được đưa vào khung chương trình GD phổ thông theo các quy định của Luật GD quốc gia và trường công hay trường tư đều phải tuân thủ. GDGT ở Nhật Bản được chia thành GD đạo đức đối

với cấp Tiểu học, Trung học cơ sở và GD công dân ở cấp Trung học phổ thông [6]. GDGT trong chương trình GD ở Nhật Bản luôn được đề cao và nhấn mạnh ngay từ mục tiêu GD ở mọi cấp học, ngay trong từng môn học cũng như trong các hướng dẫn dành cho GV khi thực hiện việc giảng dạy. Theo quy định trong chương trình GD, mỗi nhà trường phải đảm bảo rằng tất cả các hoạt động GD đều chứa đựng yếu tố GDGT. Ngoài các tiết học riêng cho môn GD đạo đức và GD công dân, nhà trường còn phải đảm bảo việc giảng dạy về GT một cách phù hợp thông qua các môn học khác nhau trên lớp, thông qua các hoạt động GD đặc biệt hoặc tích hợp.

### 2.3.1. Mục tiêu giáo dục giá trị

Luật GD Nhật Bản (The Fundamental Law of Education (育基本法 *kyōiku kihonhō*) năm 1947 và Luật GD sửa đổi năm 2006 khi bàn về GDGT đã nêu rõ: “GD hướng tới sự phát triển đầy đủ của nhân cách, nỗ lực hướng tới chăm sóc con người với một trí tuệ và thể chất lành mạnh, biết yêu quý sự thật và công lí, trân trọng các GT cá nhân, tôn trọng lao động, có ý thức trách nhiệm sâu sắc, thấm nhuần tinh thần độc lập với tư cách là người chủ của đất nước và xã hội hòa bình” (Điều 2, Chương 1: Mục tiêu giáo dục) [7]. Định hướng GDGT của Nhật Bản sau nhiều giai đoạn khác nhau đã có những điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh và xu thế mới. Hiện nay, GDGT trong nhà trường ở Nhật Bản hướng tới 6 mục tiêu cụ thể như sau:

- Bồi dưỡng tinh thần tôn trọng nhân phẩm con người, trân trọng cuộc sống;
- Nỗ lực kế thừa, phát triển văn hóa truyền thống, tạo dựng một nền văn hóa phong phú của mỗi cá nhân;
- Nỗ lực hình thành và phát triển xã hội và quốc gia dân chủ;
- Góp phần vào việc xây dựng một cộng đồng thế giới hòa bình;
- Có khả năng ra quyết định độc lập;
- Bồi dưỡng ý thức đạo đức.

### 2.3.2. Nội dung giáo dục giá trị

Về mặt nội dung, GDGT trong các nhà trường ở Nhật Bản tập trung vào 3 lĩnh vực chính như sau: 1/ Dạy về sự tôn trọng cuộc sống; 2/ Dạy về mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể; 3/ Dạy về ý thức “trật tự đạo” (social order). “Trật tự đạo” ở đây được xem là một tôn ti xã hội nghiêm ngặt và yếu tố quan trọng tạo nên sự phát triển bền vững về kinh tế, xã hội của quốc gia Nhật Bản. Theo đó, con người nơi đây được gắn kết với nhau theo tôn ti trật tự và theo tình cảm tự nhiên, chứ không chỉ đơn thuần dựa trên quyền lực và khả năng [8; tr.367].

Với tư cách là một môn học độc lập trong nhà trường, GDGT tập trung vào 4 lĩnh vực cơ bản, chứa đựng các phẩm chất, nét tính cách cụ thể cần hình thành ở người học, bao gồm:

#### a. Đối với bản thân

- Sự đúng mực: Là những gì mình có thể làm được bằng

khả năng của bản thân và sự duy trì một cuộc sống đúng mực;

- Sự chuyên cần: Làm việc chăm chỉ để thực hiện những gì mình cần phải làm và bằng công sức của bản thân mình;
- Lòng dũng cảm: Làm những gì thấy là đúng;
- Sự chân thành: Nhìn nhận cuộc sống với sự chân thành và niềm vui;
- Tự do và kỉ luật: Tôn trọng sự tự do nhưng hành động có kỉ luật;
- Tự hoàn thiện: Hiểu biết bản thân mình, thay đổi những điều cần thay đổi và phát huy những điểm mạnh;
- Yêu chuộng sự thật: Yêu chuộng, tìm kiếm sự thật, chân lí; khám phá cuộc sống bản thân, hướng đến thực hiện lí tưởng của mình.

#### b. Quan hệ với người khác

- Phép lịch sự: Hiểu được tầm quan trọng của phép lịch sự; có khả năng diễn đạt và hành động phù hợp trong từng hoàn cảnh;
- Sự quan tâm và lòng tốt: Quan tâm đến mọi người, có lòng tốt, biết đặt mình vào vị trí của người khác;
- Tình bạn: Hiểu biết, tin tưởng, và giúp đỡ lẫn nhau;
- Biết ơn và kính trọng: Bày tỏ lòng biết ơn và kính trọng đối với những người đã cứu giúp người khác và người cao tuổi;
- Khiêm tốn: Khiêm tốn và tôn trọng những người có ý kiến hoặc vị trí khác biệt với thái độ cởi mở, cầu thị.

#### c. Quan hệ với tự nhiên

- Tôn trọng thiên nhiên: Làm quen với thiên nhiên xung quanh và yêu mến các con vật, cây cỏ;
- Tôn trọng cuộc sống: Tôn trọng cuộc sống và tất cả các sinh vật sống;
- Tính nhạy cảm thẩm mỹ: Có sự nhạy cảm thẩm mỹ và biết thán phục trước những sức mạnh to lớn hơn cả con người;
- Tính cao thượng: Tin tưởng ở sức mạnh và sự cao thượng của con người để vượt qua điểm yếu và thói xấu, nỗ lực tìm kiếm niềm vui trong cuộc sống.

#### d. Quan hệ với xã hội

- Nghĩa vụ xã hội: Giữ lời hứa và tuân thủ các luật lệ của xã hội, tôn trọng ý thức về nghĩa vụ cộng đồng;
- Công bằng: Hành xử công minh, không thiên vị với tất cả mọi người, không phân biệt đối xử và định kiến, nỗ lực thực hiện sự công bằng;
- Sự tham gia và trách nhiệm trong nhóm: Sẵn lòng tham gia các nhóm/tổ chức xung quanh, nhận thức về vai trò của mình và thực hiện nhiệm vụ của cá nhân với sự hợp tác với người khác;
- Tính cần cù: Hiểu tầm quan trọng của lao động và sẵn sàng tham gia lao động;
- Tôn trọng các thành viên gia đình: Yêu thương, tôn trọng ông bà, cha mẹ và sẵn sàng giúp đỡ việc nhà;
- Kính trọng GV và mọi người trong trường: Yêu thương, kính trọng các thầy cô giáo, các cán bộ, nhân viên nhà trường, nỗ lực hợp tác với mọi người xây dựng một truyền thống nhà trường tốt đẹp hơn;

- Đóng góp cho xã hội: Có ý thức về việc mình là thành viên của một cộng đồng địa phương, tôn trọng và yêu quý những người đã cống hiến cho xã hội, người cao tuổi, góp sức vào sự phát triển của cộng đồng;

- Tôn trọng truyền thống và yêu nước: Quan tâm đến văn hóa, truyền thống dân tộc và tình yêu đất nước;

- Tôn trọng các nền văn hóa khác: Tôn trọng các nền văn hóa và con người của quốc gia khác với ý thức bản sắc của một người công dân Nhật Bản, nỗ lực thúc đẩy tình hữu nghị quốc tế.

### 2.3.3. Phương pháp giáo dục giá trị

Chương trình GDGT trong nhà trường phổ thông được quy định rõ: “GDGT cần được tiến hành thông qua toàn bộ các hoạt động GD của nhà trường. Vì vậy, việc GDGT cho HS phải được thực hiện không chỉ trong các giờ học của môn GD đạo đức và GD công dân mà cả trong giờ học của các môn học khác và thông qua các hoạt động GD đặc biệt, phù hợp với tính chất của từng hoạt động và môn học đó”. Như vậy, chương trình GDGT trong nhà trường phổ thông ở Nhật Bản được thực hiện thông qua 3 con đường chính: Môn học độc lập, môn học tích hợp, hoạt động giáo dục đặc biệt.

- **Môn học độc lập:** Như đã trình bày ở trên, GDGT ở Nhật Bản được thực hiện thông qua các môn học độc lập (GD đạo đức đối với cấp Tiểu học, Trung học cơ sở và GD công dân ở cấp Trung học phổ thông). Thời lượng dành cho các môn học này được quy định khoảng 3,3 - 4% thời lượng của chương trình GD phổ thông trong một năm học. Phương pháp GDGT được xác định là nhằm hướng đến từng cá nhân, khuyến khích phát triển năng lực của mỗi cá nhân chứ không phải chú trọng vào hiệu quả đồng đều, mang tính tập thể.

- **Tích hợp trong các môn học khác:** Các mục tiêu GDGT được tích hợp vào tất cả các môn học trong nhà trường và GV được khuyến khích tận dụng mọi cơ hội để truyền tải những nội dung này tới HS. Ví dụ, môn Tiếng Nhật (GD thái độ tôn trọng tiếng mẹ đẻ), môn Khoa học xã hội (GD ý thức hiểu biết lịch sử của người Nhật, GD ý nghĩa của danh dự cá nhân, tôn trọng quyền con người, mối quan hệ giữa tự do, quyền lợi với trách nhiệm, nghĩa vụ, hiểu biết về nền dân chủ), môn Khoa học tự nhiên (GD thái độ trân trọng cuộc sống và mọi sự sống trên trái đất), môn Âm nhạc (GD ý thức, bản sắc dân tộc qua việc hát quốc ca); môn Sức khỏe và GD thể chất (GD thái độ công bằng thông qua các cuộc thi và ý thức hợp tác trong các bài tập, thái độ tuân thủ luật lệ và ý thức hoàn thành trách nhiệm), môn Ngoại ngữ (GD tinh thần hiểu biết và hợp tác quốc tế).

- **Hoạt động giáo dục đặc biệt:** Là một loại hoạt động GD không thể thiếu trong mọi trường học Nhật Bản và được quy định cụ thể trong khung chương trình GD của từng cấp học. Hoạt động GD đặc biệt trong nhà trường ở Nhật Bản nhằm hướng tới 4 mục tiêu sau: “Thông qua các hoạt động nhóm yêu thích, thúc đẩy sự phát triển hài hòa của trí tuệ và

thể chất, phát triển ý thức cá nhân; bồi dưỡng thái độ độc lập và thực tế để xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn với vai trò là thành viên của nhóm, khắc sâu sự tự nhận thức về cuộc sống, và tăng cường năng lực tự hoàn thiện mình”. Hoạt động GD đặc biệt trong nhà trường phổ thông ở Nhật Bản bao gồm 4 loại hoạt động chính sau: Các hoạt động trong lớp học; Hội đồng HS; Hoạt động câu lạc bộ; Các sự kiện của nhà trường (bao gồm: Các dịp lễ hội, các sự kiện liên quan đến việc học tập, các sự kiện liên quan đến hoạt động văn hóa - văn nghệ - thể dục - thể thao, các chuyến đi thực tế, dã ngoại, các hoạt động phục vụ xã hội, cộng đồng). Những hình thức đa dạng của hoạt động đặc biệt này là điều kiện, cơ hội thuận lợi để HS trải nghiệm và lĩnh hội các GT trong cuộc sống.

## 2.4. Một số nhận định chung

### 2.4.1. Mục tiêu giáo dục giá trị

Qua phân tích ở trên, chúng ta có thể nhận thấy rằng, mục tiêu của GDGT phụ thuộc vào những người làm GDGT. Những người theo tôn giáo khác nhau hoặc có quan điểm xã hội khác nhau hoặc trong các thể chế chính trị khác nhau sẽ đặt ra các mục tiêu GDGT khác nhau. Tuy nhiên, có hai điểm chung nhất giữa các mục tiêu GDGT, đó là: 1/ Giúp mọi người cư xử có trách nhiệm hơn trong các mối quan hệ cá nhân và xã hội; 2/ GDGT không chỉ là GD những GT được xác định từ trước mà cần khám phá những GT đó vượt lên trên những triển vọng/ viễn cảnh tôn giáo và xã hội, được sàng lọc, bổ sung và phát triển theo sự phát triển của quốc gia đó.

### 2.4.2. Nội dung giáo dục giá trị

Nội dung GDGT nếu xét về tổng thể thì đó chính là các GT cơ bản cần thiết mà mỗi cá nhân có thể sống một cuộc sống hạnh phúc và thành công trong các mối quan hệ cá nhân và xã hội. Tuy nhiên, việc lựa chọn bao nhiêu GT và những GT nào là cốt lõi để GD cho HS thì tùy theo từng nước và từng quan điểm khác nhau. Nhưng dù lựa chọn nội dung GDGT nào thì điều quan trọng vẫn là tạo điều kiện, môi trường để HS trải nghiệm và rút ra những bài học về GT.

### 2.4.3. Phương pháp giáo dục giá trị

Dựa trên những phân tích ở trên, có thể thấy rằng có nhiều phương pháp GDGT khác nhau và có thể chia thành hai cách tiếp cận phổ biến như sau: 1/ Coi GDGT là sự truyền đạt các GT dưới nhiều hình thức khác nhau (thông qua môn học, thông qua các chủ đề giáo dục, ...). Các phương pháp GDGT theo cách tiếp cận này mới chủ yếu dừng lại ở kết quả nâng cao nhận thức về GT thông qua việc thuyết giảng chứ ít có các tình huống thực tiễn để HS trải nghiệm và tổng kết kinh nghiệm trong cuộc sống thường ngày. Hiện nay, các hình thức GDGT theo cách tiếp cận này đã và đang cố gắng thay đổi phương pháp GD tích cực (dạy học theo tiếp cận giải quyết vấn đề, làm việc theo nhóm, sử dụng đa phương tiện trong dạy học, ... ) để HS có thể đạt được mục

đích là thay đổi hành vi và lựa chọn được các GT phù hợp chứ không chỉ dừng lại ở mức độ nhận thức về GT; 2/ Coi GDGT là quá trình mà HS phải được trải nghiệm để làm sáng tỏ các GT và lựa chọn các GT phù hợp và có ích cho cả cá nhân và xã hội để làm kim chỉ nam cho hành động của mỗi cá nhân, giúp HS thành công trong cuộc sống và trở thành công dân có ích. Để GDGT theo cách tiếp cận này thực sự hiệu quả thì vấn đề quan trọng là phải tạo được bầu không khí dựa vào GT và GV phải là tấm gương về GT để HS noi theo. GV đóng vai trò quan trọng trong GDGT, họ sẽ sử dụng kết hợp và sáng tạo các phương pháp GD như thảo luận, chia sẻ, đóng vai, thông qua các tình huống trong và ngoài lớp học để hỗ trợ cho GDGT.

**3. Kết luận**

GDGT không phải là vấn đề mới nhưng GDGT cho HS phổ thông sao cho hiệu quả thì lại là vấn đề khó và luôn mới. Để GDGT cho HS có hiệu quả cần xác định mục tiêu GDGT rõ ràng, xác định những nội dung GDGT phù hợp với HS cũng như phù hợp với thể chế chính trị và bối cảnh của từng quốc gia, lựa chọn các phương pháp, cách thức GDGT đa dạng, phù hợp, linh hoạt và thiết thực, tạo cơ hội cho HS được lĩnh hội, trải nghiệm và tự điều chỉnh trong thực tế cuộc sống, trở thành người sống có mục đích, có lí tưởng, có trách nhiệm, đạt được mục đích cá nhân phù hợp, đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội.

**Tài liệu tham khảo**

[1] Thomas, C. (1987), *Toward a plain reading of the Constitution - The Declaration of Independence in constitutional interpretation*, Howard LJ, 30, 983.

[2] Lentz, T. F. (1925), *An experimental method for the discovery and development of tests of character*, Teachers College, Columbia University.

[3] Prestwich, D. L. (2004), *Character Education in America's Schools*, *School Community Journal*, 14 (1), 139-150.

[4] Peterson, R. L., & Skiba, R. (2001), *Creating school climates that prevent school violence*, The Social Studies, 167-174, Originally published in 2000 in *Preventing School Failure*, 44(3), 122-129.

[5] Department of Education, Science and Training, (2005), *National Framework for Values Education in Australian Schools*, Canberra, Australia: Commonwealth of Australia.

[6] Scribner, S. (2007), *Civic and moral education in Japanese public schools*, Connect, (163), 12.

[7] *Fundamental Law of Education*, [https://en.wikipedia.org/wiki/Fundamental\\_Law\\_of\\_Education](https://en.wikipedia.org/wiki/Fundamental_Law_of_Education), truy cập ngày 20/01/2019.

[8] Anzai, S., & Matsuzawa, C. (2014), *Values and value priorities underlying Japanese elementary-school moral education: content analysis of Japanese elementary-school moral books*, *Mediterranean Journal of Social Sciences*, 5(4), 359.

[9] Hamston, J., Weston, J., Wajsenberg, J., & Brown, D. (2010), *Giving voice to the impacts of values education: The final report of the values in action school project*, Carlton, South Victoria, Australia: Education Services Australia Ltd.

[10] Lê Thị Quỳnh Nga, (2013), *Kinh nghiệm quốc tế về giáo dục giá trị nghề nghiệp cho sinh viên ngành Sư phạm*, Đề tài V2012-03, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

**INTERNATIONAL EXPERIENCES ON VALUE EDUCATION FOR HIGH SCHOOL STUDENTS**

**Le Thi Quynh Nga**

The Vietnam National Institute of Educational Sciences  
 101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem District,  
 Hanoi, Vietnam  
 Email: quynhnga2981@gmail.com

**ABSTRACT:** According to UNESCO, the value education is important aspect for the sustainable future. This work has overviewed and analyzed the value education in several developed countries, including its objectives, contents, and methods. The sharing objectives of value education such as Trustworthiness, Respect, Responsibility, Fairness, Caring.. are outlined differently by various methods from one country to another one. Also, this paper has focused on analyzing experiences of value education in the United State of America, Australia and Japan. Conclusion has been made with notes to contribute to the value education in Vietnam.

**KEYWORDS:** Value; value education; general education; high school students.